

Số: /SNNMT-KL

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2026

V/v triển khai quy định về chuyển mục
đích sử dụng rừng, phương án sử dụng
rừng, tạm sử dụng rừng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh;
- Công ty Điện lực Lai Châu;
- Chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật

Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng, phương án sử dụng rừng, tạm sử dụng rừng, như sau:

I. CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

1. Tổng hợp những quy định chung

1.1. Nguyên tắc

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Chỉ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích rừng đủ tiêu chí thành rừng.

- Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định.

- Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất có rừng sản xuất là rừng trồng thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải trồng rừng thay thế.

1.2. Căn cứ

- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân xã, phường được phê duyệt.

- Nhu cầu sử dụng rừng thể hiện trong dự án đầu tư đối với tổ chức; đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

1.3. Điều kiện

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

- Hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế.

1.4. Tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

(1) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật.

(2) Các dự án đầu tư khác không thuộc đối tượng tại mục (1), gồm:

- Dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh;

- Dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;
- Dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;
- Dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Dự án cấp thiết để phát triển kinh tế - xã hội, gồm các dự án:
 - + Giao thông, thủy lợi;
 - + Trường học, bệnh viện, trạm y tế, nước sinh hoạt, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
 - + Nguồn điện, dự án lưới điện nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;
 - + Tôn tạo di tích cách mạng, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa là di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt;
 - + Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
 - + Thăm dò, khai thác khoáng sản được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản;
 - + Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

2. Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

2.1. Xây dựng kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng

2.1.1. Thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.1.2. Trình tự thực hiện

a) Xây dựng kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (khuyến nghị lồng ghép với kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng hằng năm)

- Hằng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; có văn bản thông báo về việc đề nghị đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường có văn bản đề nghị đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tổng hợp nhu cầu giao rừng, cho thuê rừng và các dự án có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 01 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ diện tích rừng hiện có xây dựng kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phù hợp với chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Nội dung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Diện tích các loại rừng có trên địa bàn xã, gồm: tổng diện tích rừng đã giao, cho thuê; diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác từ đầu kỳ quy hoạch đến thời điểm lập kế

hoạch theo Mẫu số 02 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn xã, trong đó xác định cụ thể tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, diện tích rừng, nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 04 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

- Đánh giá hiệu quả của kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đến kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; tạo việc làm, thu hút lao động, xóa đói giảm nghèo; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng.

- Xác định nguồn lực (về tài chính, lao động và kỹ thuật), giải pháp tiến độ thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

c) Phê duyệt kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Quý III hằng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường gửi hồ sơ kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của năm liền sau về Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành phần hồ sơ gồm:

- (1) Tờ trình theo Mẫu số 05 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

- (2) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình.

- Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm công khai tại trụ sở và trên Cổng thông tin điện tử của xã, phường trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

2.2. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chỉ được thực hiện do việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch của cấp có thẩm quyền làm thay đổi cơ cấu loại rừng (*rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất*) cấp xã; do việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính của địa phương; do tác động của thiên tai, ứng phó sự cố về môi trường làm thay đổi mục đích sử dụng rừng; có biến động về nguồn lực thực hiện kế hoạch, hình thành dự án trọng điểm phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, dự án cấp thiết phát triển kinh tế - xã hội làm thay đổi định hướng sử dụng rừng;

- Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là một phần của kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được phê duyệt;

- Trình tự, nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện theo quy định tại mục 2.1.2 Mục I Công văn này.

3. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

3.1. Thẩm quyền

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí thì văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án đồng thời là chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3.2. Hồ sơ

a) Hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

(1) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 17 (đối với tổ chức), Mẫu số 18 (đối với cá nhân) Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

(2) Một trong các văn bản sau về đầu tư dự án:

- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định;

- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư công khẩn cấp;

- Quyết định phê duyệt chương trình, mục tiêu quốc gia hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án trong đó có dự án thành phần đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

(3) Một trong các tài liệu sau về đánh giá tác động môi trường của dự án:

- Bản sao đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

(4) Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 12 tháng trước ngày nộp hồ sơ:

- Báo cáo thuyết minh:

+ Thể hiện rõ thông tin về vị trí: Tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng;

+ Diện tích rừng: Theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) và theo nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

+ Một số nội dung khác: Hệ thống bảng biểu, biên bản làm việc, tài liệu về nội dung, phương pháp điều tra rừng, thông tin về chủ quản lý rừng...

- Bản đồ hiện trạng rừng:

+ Hệ tọa độ: VN2000, kinh tuyến trực 103 độ, múi chiều 3 độ.

+ Trình bày bản đồ: Thực hiện theo Tiêu chuẩn Việt Nam số 11565:2016 Quy định về trình bày và thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng rừng.

+ Tỷ lệ bản đồ: Tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha; tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến.

(5) Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh

- Văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án đồng thời là chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trong nội dung văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có ghi dự kiến quy mô diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác.

- Hồ sơ đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Thành phần hồ sơ đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gồm: Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 12 tháng trước ngày nộp hồ sơ, thực hiện theo nội dung số (4) tiêu mục a mục 3.2 Mục I Công văn này.

3.3. Trình tự, thủ tục

a) Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Bước 1 - Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ theo tiêu mục a mục 3.2 Mục I Công văn này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu);

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận trả lời ngay đối với hình thức nộp trực tiếp; thông báo bằng văn bản trong 01 ngày làm việc đối với hình thức nộp qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra, xác minh và tổ chức thẩm định: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thẩm định: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định.

Bước 3 - Trình phê duyệt: Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Bước 4 - Phê duyệt: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Trong quá trình thẩm định đề chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư, Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến thẩm định về đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án của các cơ quan cụ thể:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến thực hiện dự án đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi dự kiến thực hiện dự án đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3.4. Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- Hồ sơ: Thực hiện theo tiểu mục a mục 3.2 Mục I Công văn này.

- Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo tiểu mục a mục 3.3 Mục I Công văn này.

Lưu ý: Dự án thay đổi vị trí, diện tích rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương thì không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác

- Dự án thay đổi vị trí, quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng không thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thì Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với diện tích rừng có sự thay đổi; trình tự, thủ tục thực hiện theo mục 3.3 Mục I Công văn này.

- Dự án thay đổi vị trí, quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thì thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

- Dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong đó có thay đổi về vị trí, quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác đã được quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thực hiện dự án.

4. Nộp tiền trồng rừng thay thế

4.1. Các trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế

(1) Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

(2) Chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sau khi khai thác trắng rừng trồng hoặc chuyển mục đích sử dụng đất có rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng.

(3) Chuyển mục đích sử dụng đất có rừng sản xuất là rừng trồng thuộc trường hợp không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp.

4.2. Diện tích phải nộp tiền trồng rừng thay thế

- Bằng ba lần diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên.

- Bằng diện tích chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng; đất lâm nghiệp sau khi khai thác trắng rừng trồng; đất có rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng.

4.3. Thẩm quyền giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.4. Hồ sơ

(1) Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT.

(2) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương, cho phép liên quan đến diện tích phải thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4.5. Trình tự, thủ tục thực hiện

Bước 1 - Nộp hồ sơ: Chủ đầu tư dự án nộp 01 bộ hồ sơ tại mục 4.4 Mục I Công văn này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (*Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu*);
- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận trả lời ngay đối với hình thức nộp trực tiếp; thông báo bằng văn bản trong 01 ngày làm việc đối với hình thức nộp qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Bước 3 - Phê duyệt: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án.

Bước 4 - Nộp tiền trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Bước 5 - Thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tiền, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế.

5. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

5.1. Thẩm quyền

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*sau đây viết tắt là cá nhân*).

- Trường hợp chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có cả thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

5.2. Hồ sơ

(1) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 21 (đối với tổ chức), Mẫu số 22 (đối với cá nhân) Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

(2) Một trong các văn bản sau về chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

(3) Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

(4) Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng: Thực hiện theo nội dung số (4) tiểu mục a mục 3.2 Mục I Công văn này.

5.3. Trình tự, thủ tục

Bước 1 - Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại tiểu mục 5.2 Mục I Công văn này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với tổ chức); đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường xã, phường (đối với cá nhân), theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu) đối với tổ chức; đến Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường nơi thực hiện dự án đối với cá nhân.

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận trả lời ngay đối với hình thức nộp trực tiếp; thông báo bằng văn bản trong 01 ngày làm việc đối với hình thức nộp qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức; cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường xã, phường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân.

Bước 3 - Phê duyệt: Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân;

hoặc thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do trong trường hợp không quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

6. Một số nội dung cần lưu ý

- Diện tích rừng đã được phê duyệt quy hoạch cho mục đích sử dụng khác không phải lâm nghiệp nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thì vẫn phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo mục 3, mục 4, mục 5 Mục I Công văn này; loại rừng đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là loại rừng tương ứng trước khi phê duyệt đưa sang mục đích khác không phải lâm nghiệp.

- Dự án có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị định số 42/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nhưng trong quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án chưa có nội dung dự kiến quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng rừng hoặc thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã được phân cấp cho bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trình tự, thủ tục thực hiện theo mục 3.3 Mục I Công văn này.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thẩm định sự liên quan của dự án đến các khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng; trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng.

- Đối với các chương trình, dự án được Quốc hội, Chính phủ cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì thực hiện theo quy định của Quốc hội, Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù đó.

- Chủ đầu tư dự án phải thực hiện lại trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau 24 tháng kể từ thời điểm dự án được quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Đối với diện tích rừng đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án nhưng dự án không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng một phần diện tích rừng đã được quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện theo thẩm quyền như sau:

+ Quyết định bãi bỏ, điều chỉnh, thay thế quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối (trường hợp đã có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác);

+ Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng này tương tự với loại rừng trước đó được quyết định chủ trương hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

+ Rà soát, đưa vào quy hoạch loại rừng tương ứng trước chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ở kỳ quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch gần nhất.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác một lần đối với toàn bộ diện tích rừng đã được quyết định chủ trương hoặc theo tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công dự án.

- Đối với dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại khu vực biên giới phải có ý kiến thẩm định của Sở Ngoại vụ và các cơ quan có liên quan về mức độ ảnh hưởng đến các vấn đề biên giới theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP, ngày 29/4/2014 của Chính phủ.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG RỪNG

1. Đối tượng

Các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sau đây không phải thực hiện quy định về quyết định chủ trương và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Hệ thống đường lâm nghiệp bao gồm đường vận xuất, vận chuyển lâm sản, đường tuần tra bảo vệ rừng; kho, bến bãi tập kết lâm sản.

- Công trình phòng, trừ sinh vật gây hại rừng, cứu hộ, bảo vệ, phát triển động vật rừng, thực vật rừng.

- Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng bao gồm đường ranh cản lửa, chòi canh lửa rừng, trạm quan sát, dự báo lửa rừng; kênh, mương, bể chứa nước, đập, hồ chứa nước phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Trạm bảo vệ rừng; biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng, tiểu khu, khoảnh và lô rừng.

2. Điều kiện: Việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng phải phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chủ rừng xây dựng Phương án sử dụng rừng.

3. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hồ sơ

(1) Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 27 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

(2) Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 28 Phụ lục IIA, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục

Bước 1 - Gửi hồ sơ: Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ theo mục 4 Mục II Công văn này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu);
- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận trả lời ngay đối với hình thức nộp trực tiếp; thông báo bằng văn bản trong 01 ngày làm việc đối với hình thức nộp qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3 - Phê duyệt hồ sơ: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng rừng; trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. TẠM SỬ DỤNG RỪNG

1. Nguyên tắc tạm sử dụng rừng

- Diện tích tạm sử dụng rừng thì không được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Chủ đầu tư dự án xây dựng phương án tạm sử dụng rừng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện trồng lại rừng tại vị trí tạm sử dụng rừng.

- Trường hợp rừng trồng là rừng sản xuất thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì không phải xây dựng phương án tạm sử dụng rừng nhưng chủ đầu tư dự án phải thỏa thuận với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư về việc tạm sử dụng rừng và trồng lại rừng.

2. Các dự án được tạm sử dụng rừng

- Dự án được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định;

- Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh;
- Dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;
- Dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ;

- Dự án nguồn điện, lưới điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;

- Dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

- Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu, gồm: giao thông, đường sắt; thủy lợi; hồ chứa nước ngọt; tôn tạo di tích cách mạng, di tích lịch sử - văn hóa là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định, chấp thuận theo quy định.

3. Điều kiện phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng

- Có dự án theo quy định tại mục 2 mục III Công văn này được cấp có thẩm quyền quyết định, chấp thuận theo quy định;

- Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng). Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng có tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

- Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng trong phạm vi diện tích được tạm sử dụng;

- Diện tích tạm sử dụng rừng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng. Nội dung tác động vào rừng, trồng lại rừng, phục hồi rừng phải được thể hiện đầy đủ, chi tiết trong Phương án tạm sử dụng rừng;

- Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không vượt quá thời gian thực hiện dự án;

- Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng;

- Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian kết thúc tạm sử dụng rừng đã được xác định trong Phương án tạm sử dụng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

4. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Hồ sơ

(1) Văn bản đề nghị của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 227/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án.

Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

(3) Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng.

- Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng;

- Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;

(4) Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 227/2024/NĐ-CP.

6. Trình tự, thủ tục

a) Phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng

Bước 1 - Nộp hồ sơ: Chủ đầu tư dự án nộp 01 bộ hồ sơ theo mục 5 Mục III Công văn này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu);

- Nộp trực tuyến qua môi trường điện tử.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 07 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3 - Phê duyệt: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản.

b) Điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng

- Trường hợp điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng:

+ Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện tạm sử dụng rừng thì không phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng. Nhưng chủ đầu tư dự án phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ rừng về việc thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng.

+ Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc trường hợp trên thì phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.

- Hồ sơ thực hiện theo mục 5 Mục III Công văn này; trình tự, thủ tục trình quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng thực hiện theo tiêu mục a mục 6 Mục IV Công văn này. Các thành phần hồ sơ không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại.

c) Khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ và trồng lại rừng

- Khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ trên diện tích tạm sử dụng rừng: Thực hiện theo quy định hiện hành. Chủ đầu tư dự án lập phương án khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ trên diện tích tạm sử dụng rừng theo Mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 227/2024/NĐ-CP; chỉ khai thác sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng; kinh phí khai thác do chủ đầu tư dự án đảm bảo.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức trồng lại rừng sau khi tạm sử dụng rừng. Việc trồng lại rừng, nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về các biện pháp lâm sinh; về quản lý đầu tư công trình lâm sinh; đối với rừng tự nhiên chỉ được trồng lại rừng bằng cây bản địa.

(Có các phụ lục, biểu mẫu liên quan đính kèm)

Công văn này thay thế Công văn số 1961/SNN-KL ngày 26 tháng 8 năm 2024; căn cứ nội dung Công văn, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị quý cơ quan, chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Đồng